

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HC-PT
Ngày: 15/5/2020
*V/v khiếu kiện quyết định trong lĩnh
vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 365/2019/TLPT-HC ngày 05 tháng 12 năm 2019 về “*Khiếu kiện quyết định trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 39/2019/HC-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2816/2020/QĐPT-HC ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Anh Dền Văn P và chị Nguyễn Thị L.

ĐKKHKT: Tổ 29, phường Phố Mới, thành phố C, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 42, phường Cốc L, thành phố C, tỉnh C, vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Bùi Xuân D.

Địa chỉ: Số nhà 142, đường Trần Đăng N, Tổ 33, phường Cốc L, thành phố C, tỉnh C, có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang M - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Vi H, Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố C (*Theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2019*); vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số 591, đường Hoàng L, phường Kim T, thành phố C, tỉnh C.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chi cục Thuế thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo pháp luật: Đỗ Thanh H - Chức vụ: Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Đ - Chức vụ: Phó chi cục trưởng Chi cục thuế thành phố C; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo người khởi kiện trình bày:

Tháng 7 năm 1992, anh Dền Văn P cùng chị gái là Dền Thị H cùng nhau mua của anh Nguyễn Văn A và chị Vũ Thị B thửa đất với diện tích khoảng 360m², tại tổ 37, đường Khánh Y, phường Phố M, thành phố C với giá 600.000 đồng. Tại thời điểm mua bán các bên không làm giấy tờ chuyển nhượng. Đến ngày 28/7/2013 và ngày 15/7/2016 hai bên làm giấy xác nhận việc chuyển nhượng diện tích đất trên. Sau khi nhận chuyển nhượng anh P và chị H phân chia diện tích đất trên thành hai thửa đất, mỗi người một thửa. Khoảng tháng 9 năm 1992 anh P đã dựng một căn nhà gỗ 03 gian, lợp ngói Proximăng và 02 gian nhà bếp (Đến nay vẫn còn nhà gỗ từ năm 1992 nhưng do lâu ngày nên đã bị hư hỏng nhiều). Năm 1994 do anh P vi phạm pháp luật nên phải chấp hành hình phạt tù đến tháng 9 năm 2011 mới trở về. Lúc này xảy ra tranh chấp đất với anh C (là anh rể của anh P). Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 18/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C xác định quyền sử hữu, sử dụng nhà và đất là của anh P.

Sau khi bản án có hiệu lực thi hành anh P và chị L đã làm thủ tục xin cấp đất. Ngày 12/9/2018, UBND thành phố C đã ban hành Quyết định số 1655/QĐ-UBND công nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh P; tuy nhiên, lại buộc anh P phải nộp 100% tiền sử dụng đất là không đúng pháp luật.

Do vậy anh P và chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh C hủy một phần Quyết định số 1655/QĐ-UBND và buộc UBND thành phố C phải hoàn trả lại cho anh P và chị L số tiền thuế đã nộp là 251.160.000đ.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Sau khi nhận được hồ sơ của hộ anh P và chị L về việc đề nghị công nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố C đã thực hiện theo trình tự quy định tại Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 14/5/2015 của UBND tỉnh C về việc công bố 16 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh C. UBND thành phố C, UBND phường Phố Mới, thành phố C đã tiến hành việc lấy ý kiến khu dân cư, xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, niêm yết công khai, thẩm tra xác minh tại thực địa điều kiện giao đất, nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình theo đúng trình tự quy định. Cụ thể, hồ sơ gồm có:

- Biên bản cuộc họp về việc lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với hộ anh P.

- Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư: Không thấy anh P và chị L cư trú tại tổ dân phố số 27 (tổ 29 cũ).

- Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất có xác nhận của UBND phường Phố Mới như sau:

“Việc gia đình bà Nguyễn Thị L đã được giao đất lần 1 tại SN 005, đường Đặng Trần Côn, phường Cốc L là đúng (tại đơn đề nghị gia đình có tự khai đã được giao đất lần 1 tại phường Cốc L). Nguồn gốc đất vẫn đang có đơn tranh chấp của ông Nguyễn Văn Hiệp, tổ 27, phường Phố Mới. Đề nghị UBND thành phố xem xét. Về mốc thời gian sử dụng đất: UBND phường xác nhận hộ bà Nguyễn Thị L sử dụng đất từ ngày 09/6/2014.”

- Thông báo niêm yết công khai số 47/TB-UBND ngày 03/8/2018 của UBND phường Phố Mới.

- Biên bản kết thúc công khai ngày 20/8/2018.

- Các thành viên khu dân cư thống nhất với ý kiến: Không thấy anh P, chị L, tổ 27 (tổ 29 cũ) cư trú tại vị trí thửa đất số 94, tờ bản đồ: P17-17, lô đất đang xin giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ).

+ Về thời điểm sử dụng đất: Căn cứ hộ khẩu thuê nhà của chị L vào ngày 09/6/2014.

- Biên bản thẩm tra xác minh thực địa điều kiện giao đất, nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình chị L, anh P.

- Tờ trình số 571/TTr-TN&MT ngày 31/8/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C về việc đề nghị công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình.

Sau đó UBND thành phố C ban hành Quyết định số 1655/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh P, chị L.

Như vậy, hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất đảm bảo đầy đủ theo quy định. Do vậy, Quyết định số 1655/QĐ-UBND không có sai sót. Việc anh P và chị L đề nghị hủy Quyết định trên là không có căn cứ.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Chi cục thuế thành phố C) trình bày:

Căn cứ pháp lý trong việc giải quyết hồ sơ kê khai nộp tiền sử dụng đất như sau: Về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc kê khai và nộp hồ sơ thuế được quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Quản lý thuế. Hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất được quy định tại khoản 4 Điều 46 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định về trường hợp cơ quan thuế quyết định miễn thuế, giảm thuế

và mức miễn, giảm tiền sử dụng đất được quy định tại Điều 10; Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất.

Về thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc ban hành thông báo và ra quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất được quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Đối với hồ sơ kê khai nộp tiền sử dụng đất, giảm tiền sử dụng đất của hộ anh Dền Văn P được thực hiện như sau: Ngày 10/10/2018, Chi cục thuế thành phố C tiếp nhận hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với hộ anh P và chị L. Trên cơ sở Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 272/TNMT ngày 13/9/2018 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C ban hành. Xét thấy hộ gia đình anh P là đồng bào dân tộc thiểu số, thuộc đối tượng giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp. Do vậy, Chi cục thuế thành phố C đã ban hành Quyết định số 1026/QĐ-CCT về việc giảm 50% tiền sử dụng đất đối với hộ anh P. Tiền sử dụng đất còn phải nộp là: 251.160.000 đồng. Như vậy, Quyết định số 1026/QĐ-CCT là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2019/HC-ST ngày 26/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh C đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dền Văn P và chị Nguyễn Thị L.

Hủy toàn bộ Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND thành phố C, tỉnh C *“về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Dền Văn P - Nguyễn Thị L tại phường Phố Mới, thành phố C, tỉnh C”*.

Hủy toàn bộ Quyết định số 1026/QĐ-CCT ngày 12/10/2018 của Chi cục thuế thành phố C, tỉnh C về việc giảm tiền sử dụng đất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Buộc cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị UBND thành phố C, tỉnh C thực hiện việc giao đất, không thu tiền sử dụng đất đối với hộ anh Dền Văn P và chị Nguyễn Thị L theo quy định; Chi cục Thuế thành phố C, tỉnh C thực hiện việc thoái thu số tiền thuế mà anh Dền Văn P đã nộp tại Kho bạc nhà nước thành phố C, tỉnh C ngày 17/10/2018.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 10/9/2019, UBND thành phố C, tỉnh C có đơn kháng cáo sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng: Bác đơn khởi kiện của ông Dền Văn P; giữ nguyên Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND thành phố C, tỉnh C về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Dền Văn P - Nguyễn Thị L tại phường Phố Mới, thành phố C, tỉnh C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố C, tỉnh C; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2019/HC-ST ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của UBND Thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 19/02/2019, anh Dền Văn P và chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 “*về việc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Dền Văn P - Nguyễn Thị L*”; buộc UBND thành phố C phải hoàn trả lại cho anh P và chị L số tiền thuế đã nộp là 251.160.000đ, đây là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh C thụ lý, giải quyết đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND thành phố C:

[2.1] Về thẩm quyền: UBND thành phố C ban hành Quyết định số 1655/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai và Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[2.2] Về nội dung: Khoảng tháng 7 năm 1992 anh Dền Văn P và chị Dền Thị H mua chung diện tích đất khoảng 378m²; sau đó tự chia đôi thửa đất, mỗi người sử dụng 1/2. Phần diện tích đất của anh P được xác định tại bản đồ địa chính đo vẽ tháng 3/1998; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 22/5/1998; sổ mục kê lập ngày 01/8/1998, thửa đất số 10 với diện tích là 198,3m² thuộc tờ bản đồ số P17-17. Năm 2006, khi đo đạc lại diện tích đất này còn 130,3m², đến ngày 17/8/2016 Tòa án nhân dân thành phố C tiến hành đo đạc thực tế diện tích còn 110,4m².

Về căn cứ xác định việc sử dụng đất: Anh P mua diện tích đất trên vào năm 1992; năm 1993, dựng nhà để ở; đến năm 1994, anh P vi phạm pháp luật phải chấp hành hình phạt tù. Trong thời gian anh P đi chấp hành hình phạt tù thì toàn bộ đất và tài sản trên đất do vợ chồng chị H - Hiệp tiếp tục quản lý, sử dụng để ở (khi chị H và anh C vi phạm pháp luật và đi chấp hành hình phạt tù thì có nhờ bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của anh C đến trông nhà và nuôi các con anh C - H trên diện tích nhà, đất nêu trên). Sau khi chấp hành xong hình phạt tù anh P nhập hộ khẩu và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất trên. Như vậy, khẳng định diện tích đất trên đã được sử dụng ổn định, liên tục để ở từ trước năm 1993 cho đến nay.

Mặt khác, Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 18/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C có hiệu lực thi hành đã công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình anh P.

Như vậy, căn cứ điểm c, h khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thời gian sử dụng đất của hộ gia đình anh P được xác định từ trước ngày 15/10/1993 và theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về thu tiền sử dụng đất thì đối với diện tích đất trên không phải nộp tiền sử dụng đất. UBND thành phố C xác định hộ gia đình anh P sử dụng đất từ ngày 09/6/2014 (ngày hộ anh P nhập khẩu) nên diện tích đất 110,4m² anh P được công nhận phải nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đô thị nên phải thực hiện nghĩa vụ tài chính là không đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ thời điểm nhận chuyển nhượng đất, quá trình sử dụng đất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P huỷ một phần Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND thành phố C là có căn cứ; do đó, không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố C.

[3] Đối với Quyết định số 1026/QĐ-CCT ngày 12/10/2018 của Chi cục Thuế thành phố C v/v giảm tiền sử dụng đất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy quyết định này có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi hợp pháp của hộ gia đình anh P; nên đã xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 1026/QĐ-CCT để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Xét thấy: Như đã phân tích tại đoạn [2.2] hộ gia đình anh P thuộc đối tượng Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) mà không phải nộp tiền sử dụng đất. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã huỷ Quyết định số 1026/QĐ-CCT và thoái thu số tiền thuế 251.160.000đ mà anh P nộp tại Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước mã hiệu LCA120118 – số CT:0008898 ngày 17/10/2018 tại Kho bạc Nhà nước thành phố C để đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố C.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố C không được Tòa án chấp nhận nên UBND thành phố C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, án phí và lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của UBND thành phố C, tỉnh C. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2019/ST-HC ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh C.

Án phí: UBND thành phố C, tỉnh C phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm được trừ vào khoản tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2010/0000495 ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- Cục THADS tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Bình